

Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021



Mẫu và các đặc trưng của cuộc điều tra



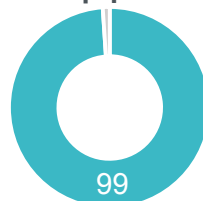
Tỷ lệ trả lời

Hộ gia đình

Số lượng



Tỷ lệ trả lời của các loại phiếu hỏi



Thực hiện điều tra

Cơ quan thực hiện:
Tổng cục Thống kê Việt Nam

Dàn mẫu:
Tổng điều tra dân số năm 2019

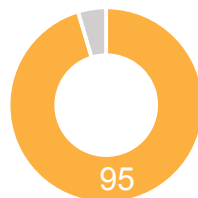
Lập danh sách & lập sơ đồ:
Tháng 9/2020

Tập huấn cho điều tra viên:
Tháng 10– 11/ 2020

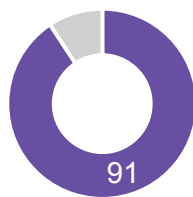
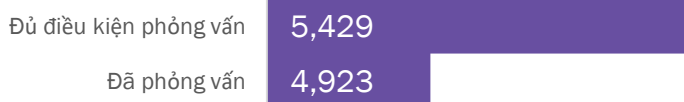
Thực địa:
Tháng 11/2020 đến tháng 2/2021

Phiếu hỏi:
Hộ gia đình
Phụ nữ từ 15-49 tuổi
Nam giới từ 15-49 tuổi
Trẻ em dưới 5 tuổi
Thành viên từ 5-17 tuổi
Kiểm tra chất lượng nước

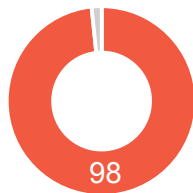
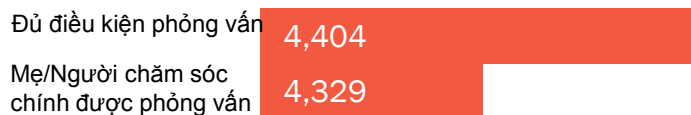
Phụ nữ từ 15-49 tuổi



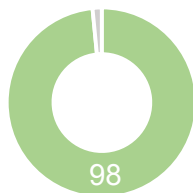
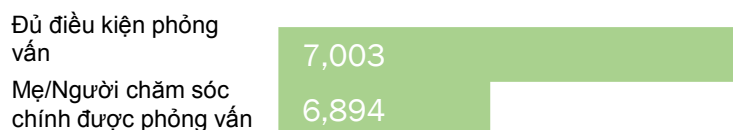
Nam giới từ 15-49 tuổi



Trẻ em dưới 5 tuổi

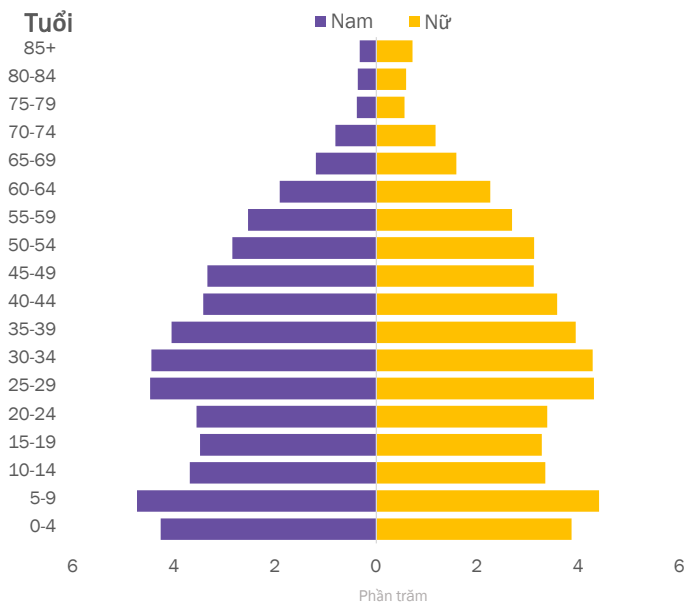


Thành viên từ 5-17 tuổi



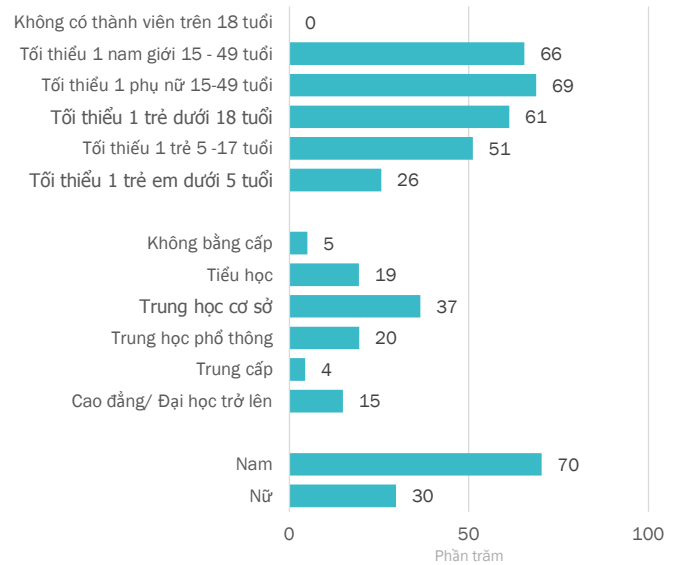
Đặc điểm dân số

Phân bố dân số hộ gia đình theo nhóm tuổi & giới tính



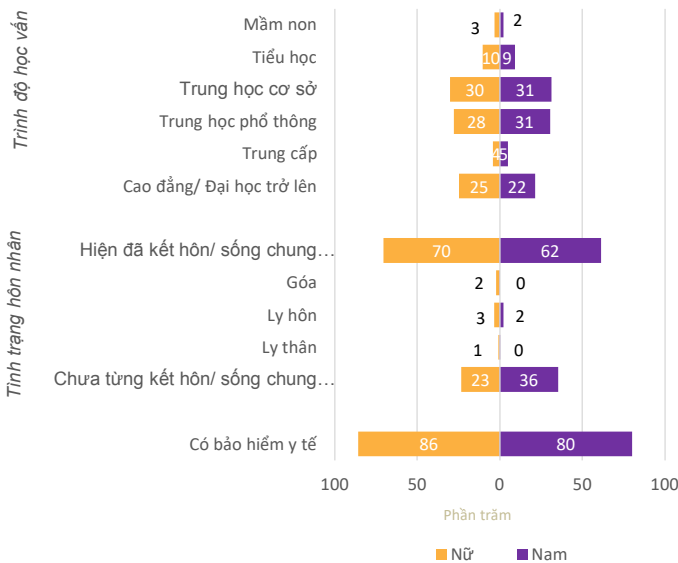
Phân bố phần trăm dân số hộ gia đình theo nhóm tuổi và giới tính

Cấu thành của hộ gia đình & đặc điểm của chủ hộ



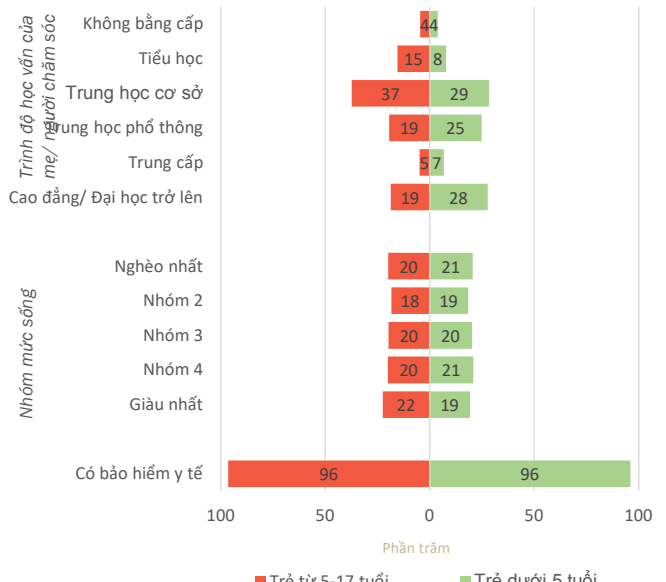
Phần trăm hộ gia đình theo đặc điểm được lựa chọn

Đặc điểm của phụ nữ & nam giới



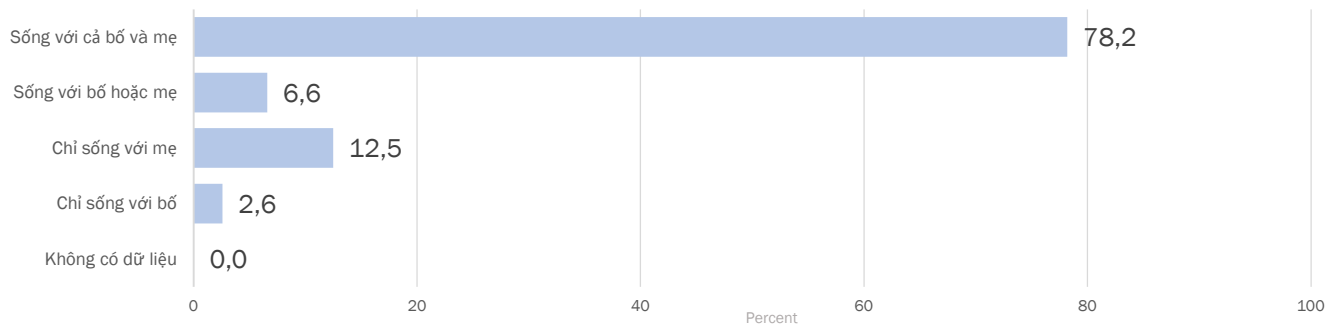
Phân bố phần trăm phụ nữ và nam giới từ 15-49 tuổi theo đặc điểm cơ bản

Đặc điểm của trẻ em



Phân bố phần trăm trẻ em từ 5 – 17 tuổi và dưới 5 tuổi theo đặc điểm cơ bản

Sắp xếp cuộc sống của trẻ em*



Phân bố phần trăm trẻ em từ 0-17 tuổi theo sắp xếp cuộc sống
*Trẻ em từ 0-17 tuổi

Phân bố dân số theo vùng (phần trăm)

| Vùng/ thành phố | Hộ gia đình | Phụ nữ từ 15-49 tuổi | Nam giới từ 15-49 tuổi | Trẻ em dưới 5 tuổi | Trẻ em từ 5-17 tuổi |
|--------------------------------------|-------------|----------------------|------------------------|--------------------|---------------------|
| Cả nước | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Đồng bằng sông Hồng | 25 | 24 | 23 | 25 | 25 |
| Hà Nội | 9 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 13 | 12 | 12 | 15 | 14 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 20 | 19 | 19 | 22 | 20 |
| Tây Nguyên | 6 | 6 | 7 | 7 | 7 |
| Đông Nam Bộ | 19 | 22 | 23 | 16 | 17 |
| TP Hồ Chí Minh | 10 | 12 | 12 | 8 | 8 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 17 | 17 | 17 | 15 | 18 |

Thông điệp chính

- Tỷ lệ trả lời các loại phiếu hỏi đối với các hộ gia đình, phụ nữ, trẻ em từ 5-17 tuổi và dưới 5 tuổi đủ điều kiện phỏng vấn đạt khá cao (95% trở lên) trong khi tỷ lệ này ở nam giới là 91%.
- Hình thái dân số thể hiện tỷ lệ dân số trong độ tuổi 25-49 là lớn nhất. Điều này cho thấy Việt Nam tiếp tục duy trì một tỷ lệ lớn số người trong độ tuổi lao động.
- Các hộ gia đình Việt Nam chủ yếu do nam giới làm chủ hộ, cứ 10 hộ gia đình thì có 3 hộ do phụ nữ làm chủ hộ.
- Cứ 5 hộ gia đình thì có 3 hộ có ít nhất 1 trẻ em dưới 18 tuổi. Cứ 4 hộ gia đình thì có 1 hộ có ít nhất 1 trẻ em dưới 5 tuổi.
- 70% phụ nữ từ 15-49 tuổi hiện đã kết hôn hoặc sống chung như vợ chồng so với 62% ở nam giới.
- 86% phụ nữ trong độ tuổi 15-49 có bảo hiểm y tế so với 80% ở nam giới.
- Đa số trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em từ 5-17 tuổi có bảo hiểm y tế (khoảng 94%).
- 6,6% trẻ em từ 0-17 tuổi sống với bố hoặc mẹ.

Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ (SDG CW) Việt Nam được Tổng cục Thống kê thực hiện trong năm 2020-2021 trong khuôn khổ chương trình MICS toàn cầu của UNICEF với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của UNICEF và UNFPA.

Mục tiêu của tài liệu tóm lược này là phổ biến những phát hiện được chọn lọc từ Điều tra SDG CW Việt Nam 2020-2021 liên quan đến Mẫu và các đặc trưng của cuộc điều tra. Số liệu trong tài liệu tóm lược này được trích dẫn từ Bảng SR.1.1, SR.5.1W, SR.5.1M, SR.5.2, SR.5.3 và SR.2.3 trong

Báo cáo kết quả điều tra.

Các tài liệu tóm lược chủ đề khác và Báo cáo kết quả tóm tắt về cuộc điều tra này và các cuộc điều tra khác được đăng tải trên mics.unicef.org/surveys.